

Bản án số: 01 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 01- 7 - 2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC I - QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:* Ông Lê Như Toàn Bà Trần Thị Tuyết
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Anh Tuấn - **Thư ký Tòa án nhân dân khu vực I - Quảng Ninh.**
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I - Quảng Ninh tham gia phiên tòa:* Ông Trần Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực I- Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1997.
Nơi ĐKTT cư trú: Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, (nay là: Tổ 10C, khu 4A, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh).
- Nơi ở: số nhà 51, tổ 66, khu 6, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (nay là: số nhà E, tổ F, khu F, phường V, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).
- Bị đơn: anh Phạm Văn S, sinh năm 1995.
Nơi cư trú: Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; (nay là: Tổ A, khu D, phường B, tỉnh Quảng Ninh); vắng mặt (lần thứ 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Phạm Văn S, kết hôn ngày 09/4/2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở

hai bên cùng tự nguyện, tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến tháng năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh S thường xuyên nhậu nhẹt, báo nợ, cờ bạc, không có trách nhiệm, chăm lo cho gia đình. Nhiều lần chị H và người thân trong gia đình khuyên bảo nhưng anh S không thay đổi. Từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã, đỉnh điểm tháng 8 năm 2024 trong lúc nóng giận, do không kìm chế được nên anh S đã đánh chị H; vợ chồng chính thức ly thân từ đó cho đến nay. Chị H và con chung đã chuyển về sinh sống cùng bố mẹ đẻ chị H ở tổ F, khu F, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng không còn quan tâm, liên lạc với nhau; chị H nhận thấy mâu thuẫn giữa chị và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh S được ly hôn.

Về nuôi con chung: chị H và anh S có 01 con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 30/9/2018, hiện nay đang ở cùng chị H. Khi ly hôn chị H đề nghị tiếp tục được nuôi cháu V cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tại đơn khởi kiện chị H yêu cầu anh S phải cấp dưỡng cho con chung 3.000.000đồng/ tháng. Quá trình giải quyết vụ án chị H xin thay đổi, không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị H và anh S không có nợ chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại Biên bản xác minh ngày 01/4/2025, đại diện tổ dân khu phố nơi chị H và anh S từng sinh sống cung cấp thông tin: chị H và anh S kết hôn khoảng vào năm 2018. Thời gian đầu chung sống vợ chồng êm ấm, đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì tổ dân khu phố không nắm rõ; chỉ biết đến khoảng giữa năm 2024, chị H và anh S không sống cùng nhau nữa. Trong quá trình chung sống chị H và anh S có 01 con chung, sinh khoảng năm 2018. Chị H và con trai đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ, hiện nay chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu bé. Nay chị H có đơn xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, tại đơn xin xử vắng nguyên đơn đề nghị được giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và những quan điểm đã thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án.

Bị đơn vắng mặt không lý do và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực I – Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định tại các Điều 198, 203, 51, 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: xác định mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định; bị đơn không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ

chung không yêu cầu nên không đề cập giải quyết. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện vụ án dân sự về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (nay là phường B, tỉnh Quảng Ninh) nên Tòa án nhân dân khu vực I, Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 35 **Luật số 85/2025 Sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự**.

Về việc đương sự vắng mặt tại phiên tòa: Nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn đã đăng ký kết hôn từ năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh trên cơ sở hai bên cùng tự nguyện, đảm bảo về độ tuổi kết hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, đến cuối năm 2028, vợ chồng chính thức ly thân, không còn chung sống với nhau như nguyên đơn đã trình bày và qua kết quả xác minh tại địa phương. Nguyên nhân của mâu thuẫn, theo trình bày của nguyên đơn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bị đơn không chăm lo cho gia đình.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn không có bất cứ ý kiến phản hồi nào và không có mặt các buổi làm việc, phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa. Việc này thể hiện bị đơn không còn muốn hàn gắn, vun đắp và không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình.

Bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho nguyên đơn chị Trần Thị H được ly hôn với bị đơn anh Phạm Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là cháu Phạm Minh V, sinh ngày 30 tháng 9 năm 2018, chưa thành niên; Hội đồng xét xử xét thấy cháu V đang ở với mẹ, được chăm sóc tốt, chị H có việc làm, thu nhập, nơi ở ổn định. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận đề nghị của nguyên đơn chị Trần Thị H, giao con chung cháu Phạm Minh V cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng: chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng nên anh Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[2.4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[3] Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **điểm b** khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, **Điều 271 và Điều 273** Bộ luật Tố tụng dân sự; **Luật số 85/2025 Sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự**.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. Về nuôi con chung: giao con chung cháu Phạm Minh V, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 07 năm 2025, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh S.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị Trần Thị H phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0001710 ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND KV I – Quảng Ninh;*
- *UBND p.Bãi Cháy, Quảng Ninh;*
- *Phòng THADS – KV1- Quảng Ninh;*
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

Lương Thanh Thúy

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 8 giờ 30 phút, ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Tại: Phòng nghị án – Toà án nhân dân khu vực I - Quảng Ninh.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh T1
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Như Toàn
Bà Trần Thị Tuyết

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*”, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: chị Trần Thị H, sinh năm 1997.

Nơi ĐKTT cư trú: Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, (nay là: Tổ 10C, khu 4A, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh).

Nơi ở: số nhà 51, tổ 66, khu 6, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (nay là: số nhà E, tổ F, khu F, phường V, tỉnh Quảng Ninh);

- Bị đơn: anh Phạm Văn S, sinh năm 1995.

Nơi cư trú: Tổ A, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; (nay là: Tổ A, khu D, phường B, tỉnh Quảng Ninh);

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU.

1. Về quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án:

Quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là quan hệ dân sự “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*”.

Biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về điều luật áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, **điểm b** khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, **Điều 271 và Điều 273** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 /UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Phần tuyên xử của Hội đồng xét xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H.

- **Về quan hệ hôn nhân:** chị Trần Thị H được ly hôn anh Phạm Văn S.

- **Về nuôi con chung:** giao con chung cháu Phạm Minh V, sinh ngày 09 tháng 8 năm 2018 cho chị Trần Thị H2 tiếp nuôi dưỡng. Thời điểm nuôi dưỡng con chung kể từ tháng 07 năm 2025, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Phạm Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu anh S lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh S.

- **Án phí dân sự sơ thẩm:** chị H phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự vào ngân sách Nhà nước (được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d theo biên lai thu 0001710 ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh).

- **Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 9 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Như T

Trần Thị Tuyết Lương Thanh T1

